

Số: /TB-UBND

Phú Thịnh, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra, xác minh thiệt hại trong sản xuất nông, lâm nghiệp do mưa, mưa đá, đông, lốc xảy ra từ ngày 02/5/2026 đến ngày 03/5/2026

Căn cứ Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Ban hành quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ biên bản kiểm tra, xác minh thiệt hại trong sản xuất nông, lâm nghiệp do mưa, mưa đá, đông, lốc từ ngày 02/05/2026 - 03/05/2026 trên địa bàn xã Phú Thịnh. UBND xã tiến hành niêm yết công khai kết quả kiểm tra, xác minh thiệt hại trong sản xuất nông, lâm nghiệp do mưa, mưa đá, đông, lốc cụ thể, như sau:

- Tổng số hộ bị thiệt hại trong sản xuất nông, lâm nghiệp do mưa, mưa đá, đông, lốc từ ngày 02/05/2026 - 03/05/2026 trên địa bàn xã Phú Thịnh là: 562 hộ; thuộc địa bàn 18 xóm.

(Có danh sách chi tiết các hộ gửi kèm theo)

- Thời gian niêm yết công khai: 07 ngày, từ ngày 20/5/2026 - 27/5/2026.

- Hình thức, địa điểm niêm yết: Thông báo trên trang thông tin xã Phú Thịnh, dán niêm yết danh sách tại Trụ sở UBND xã Phú Thịnh, Nhà văn hóa các xóm (Cường Thịnh, Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Gò, Làng Thượng, Phó, Hùng Cường, Na Quýt, Bán Luông, Đèo, Văn Cường 1, Ao Soi, Trung Tâm, Na Mán, Gò Vũ, Đồng Kim, Tân Quy, Đồng Ninh).

Giao Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các cơ sở xóm thực hiện niêm yết công khai theo quy định.

Sau thời gian niêm yết công khai 07 ngày, nếu không có ý kiến kiến nghị, phản ánh của Nhân dân đối với danh sách trên, UBND xã tổng hợp, lập báo cáo gửi Tỉnh theo quy định.

Trên đây là nội dung niêm yết công khai kết quả kiểm tra, xác minh thiệt hại trong sản xuất nông, lâm nghiệp do mưa, mưa đá, dông, lốc xảy ra từ ngày 02/5/2026 đến ngày 03/5/2026 trên địa bàn xã. Đề nghị các tổ chức, cá nhân và Nhân dân theo dõi, giám sát; trường hợp có ý kiến kiến nghị, phản ánh đề nghị gửi về UBND xã để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Các ông (bà) trưởng xóm liên quan;
- Lưu VT, PKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Hòa

6	Nguyễn Thị Thom	Cường Thịnh								450				
8	Nguyễn Văn Hoàn	Cường Thịnh								360				
9	Nguyễn Văn Hòa	Cường Thịnh					560						0,35	
10	Hoàng Văn Tường	Cường Thịnh												0,40
11	Hoàng Văn Sáu	Cường Thịnh												0,15
12	Hoàng Văn Nghị	Cường Thịnh												0,36
13	Nguyễn Thanh Tâm	Cường Thịnh												0,16
14	Nguyễn Văn Thành	Cường Thịnh					1.314							
15	Nguyễn Văn Tới	Cường Thịnh									0,36			
17	Hoàng Thị Mừng	Cường Thịnh												0,20
18	Nguyễn Đình Hùng	Cường Thịnh	994											
19	Nguyễn Văn Đạt	Cường Thịnh					800							
20	Nguyễn Văn Chung	Cường Thịnh									0,35			

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)			
Tổng cộng			38.228	-	-	720	43.308	-	-	330	10,17	0,00	0,44	0,00
1	Nguyễn Ngọc Hương	Phú Thịnh 1	940								0,00			
2	Nguyễn Đức Thuận	Phú Thịnh 1	1.110										0,14	
3	Nguyễn Văn Bắc	Phú Thịnh 1									1,29			
4	Lương Đình Nguyên	Phú Thịnh 1	1.020											
5	Nguyễn Tiến Lữ	Phú Thịnh 1	1.920				720							

6	Nguyễn Tiến Hợp	Phú Thịnh 1	2.120				1.095				0,25			
7	Nguyễn Thị Hồng	Phú Thịnh 1	1.440											
8	Nguyễn Văn Lâm	Phú Thịnh 1	1.570											
9	Nguyễn Ngọc Lâm	Phú Thịnh 1	1.735								0,34			
10	Tổng Văn Thành	Phú Thịnh 1	1.750				746							
11	Nguyễn Thị Thơm	Phú Thịnh 1	1.486							330	1,18			
12	Lương Thanh Phong	Phú Thịnh 1									2,00			
13	Phạm Văn Hưng	Phú Thịnh 1	1.780											
14	Nguyễn Văn Hiệp	Phú Thịnh 1	1.374											
15	Phạm Văn Huy	Phú Thịnh 1	648				1.080							
16	Nguyễn Văn Nghiệp	Phú Thịnh 1	1.360											
17	Nguyễn Thị Tươi	Phú Thịnh 1	2.840											
18	Nguyễn Xuân Mai	Phú Thịnh 1	1.130											
19	Nguyễn Thị Hiền	Phú Thịnh 1	1.300											
20	Nông Thị Liễu	Phú Thịnh 1	540											
21	Lã Thị Hà	Phú Thịnh 1	922											
22	Nguyễn Trung Kiên	Phú Thịnh 1	1.936								0,07			
23	Nguyễn Văn Hiền	Phú Thịnh 1	913				4.800							

24	Nguyễn Thị Lập	Phú Thịnh 1					1.681							
25	Bùi Thị Hằng	Phú Thịnh 1					1.200				0,00			
26	Lưu Thúy Lành	Phú Thịnh 1									1,50			
27	Hoàng Thị Hiền	Phú Thịnh 1	764				2.994							
28	Đoàn Công Lai	Phú Thịnh 1	1.109											
29	Trần Văn Chinh	Phú Thịnh 1	486				3.100							
30	Tổng Văn Thắng	Phú Thịnh 1				720					0,56			
31	Bùi Văn Mạnh	Phú Thịnh 1	1.500				2.730							
32	Nguyễn Việt Hùng	Phú Thịnh 1					1.788							
33	Bùi Văn Thắng	Phú Thịnh 1					3.600							
34	Đình Văn Hạ	Phú Thịnh 1					1.555				0,00			
35	Nguyễn Quang Thọ	Phú Thịnh 1					1.800							
36	Nguyễn Văn Tùng	Phú Thịnh 1					1.955				0,00			
37	Lâm Văn Thảo	Phú Thịnh 1	944				674							
38	Phạm Văn Xuyên	Phú Thịnh 1					3.983							
39	Phạm Văn Nhuận	Phú Thịnh 1	3.231				1.276							
40	Trần Thị Hiền	Phú Thịnh 1					1.300							
41	Nguyễn Văn Thư	Phú Thịnh 1					865				0,50			

42	Nguyễn Văn Hùng	Phú Thịnh 1					3.286				1,49			
43	Nguyễn Văn Thịnh	Phú Thịnh 1	360				1.080				0,14			
44	Hà Thị Hợp	Phú Thịnh 1											0,30	
45	Nguyễn Văn Dự	Phú Thịnh 1									0,20			
46	Nguyễn Văn Tự	Phú Thịnh 1									0,65			
47	Nguyễn Nọc Lan	Phú Thịnh 1	2.520				1.452							
48	Nông Thị Hoa	Phú Thịnh 1	1.957				209							
49	Nguyễn Văn Hương	Phú Thịnh 1					2.900							
50	Nguyễn Ngọc Hương	Phú Thịnh 1	1.470											
51	Hoàng Thị Nga	Phú Thịnh 1	1.940				1.960							
52	Nguyễn Văn Quân	Phú Thịnh 1	2.128											
53	Nguyễn Thị Kim Thoan	Phú Thịnh 1	2.307											
54	Trương Thị Lê						2.880							

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
	Tổng cộng		44.302	-	-	5.332	52.946	-	-	-	-	0,50	-	1,14
1	Nông Văn Thanh	xóm Gò	2.176											
2	Nguyễn Văn Chinh	xóm Gò	1.155			134	547					0,50		0,49
3	Nguyễn Văn Kiểm	xóm Gò					842							
4	Lý Văn Mẫn	xóm Gò					1.284							
5	Nguyễn Ngọc Thuần	xóm Gò					1.173							
6	Nông Văn Chiến	xóm Gò	2.337											
7	Vũ Văn Sáu	xóm Gò					4.704							

8	Cổ Văn Hải	xóm Gò					659							
9	Bùi Văn Toàn	xóm Gò	5.670											
10	Nông Văn Vinh	xóm Gò	1.849											
11	Nông Thị Hòa	xóm Gò					797							
12	Nguyễn Ngọc Chung	xóm Gò					1.457							
13	Nguyễn Văn Tuyên	xóm Gò	2.594			892								
14	Lôi Quốc Sinh	xóm Gò					1.660							
15	Nguyễn Văn Hưng	xóm Gò	1.249											
16	Hà Văn Biên	xóm Gò	1.139											
17	Lưu Tiến Vân	xóm Gò					2.354							
18	Nguyễn Thanh Tùng	xóm Gò					2.396							
19	Nguyễn Thanh Bình	xóm Gò	2.390											
20	Nguyễn Mạnh Hùng	xóm Gò	944											
21	Lương Hồng Việt	xóm Gò	964											
22	Vũ Văn Đoàn	xóm Gò					2.636							
23	Bùi Văn Giang	xóm Gò					1.833							
24	Hà Minh Lượng	xóm Gò					1.356							

25	Vũ Thị Hoa	xóm Gò	2.403				1.812							
26	Hoàng Thị Thu	xóm Gò					4.554							
27	Hà Minh Chí	xóm Gò					2.783							
28	Vũ Văn Đoàn	xóm Gò					2.636							
29	Nông Văn Luận	xóm Gò	1.665											
30	Nông Văn Hào	xóm Gò	2.624											
31	Lưu Trùng Khánh	xóm Gò	1.887											
32	Nguyễn Đức Tinh	xóm Gò					701							
33	Lương Bảo Ngọc	xóm Gò					1.459							
34	Nông Văn Nghĩa	xóm Gò	4.205				839							
35	Trần Bình Định	xóm Gò	1.729											
36	Nguyễn Thị Hòa	xóm Gò					2.500							
37	Lương Văn Bằng	xóm Gò					3.745							
38	Lý Văn Hào	xóm Gò					2.780							
39	Lý Thị Dung	xóm Gò					665							
40	Trần Thu Mến	xóm Gò					1.332							
41	Nguyễn Văn Dũng	xóm Gò	1.308			635								

42	Trần Minh Huân	xóm Gò				1.072	944							
43	Nông Văn Hiếu	xóm Gò	1.947											
44	Nguyễn Thị Lữ	xóm Gò	1.316											
45	Nguyễn Văn Du	xóm Gò	2.330			1.151								
46	Nguyễn Văn Duyệt	xóm Gò												0,50
47	Trần Ngọc Phương	xóm Gò				1.448								
48	Lương Thanh Quỳnh	xóm Gò	421				2.498							

8	Hoàng Văn Trường	Làng Thượng	1.080				2.520							
9	Hầu Văn Din	Làng Thượng	3.240											
10	Trần Văn Bảo	Làng Thượng	1.800											
11	Trần Văn Tà	Làng Thượng	2.880			360	1.080							
12	Vũ Duy Hưng	Làng Thượng					1.800							
13	Trần Văn Thành	Làng Thượng	1.080				2.440							
14	Hầu Văn Hiệp	Làng Thượng	1.880			720								
15	Trần Văn Vượng	Làng Thượng	1.080											
16	Trương Văn Giáp	Làng Thượng	2.440											
17	Trần Văn Din	Làng Thượng	2.160				1.080							
18	Hoàng Thị Ngân	Làng Thượng	1.880											
19	Hầu Văn Lưu	Làng Thượng	2.160											
20	Ngọc Văn Vinh	Làng Thượng	2.160			360	1.080							
21	Hoàng Văn Mạnh	Làng Thượng	2.880			720	2.000							
22	Hầu Văn Tư	Làng Thượng	1.440											
23	Hầu Văn Quyết	Làng Thượng	1.080											
24	Ngọc Văn Hà	Làng Thượng	1.440				720							

59	Nguyễn Thị Thêm	Làng Thượng	1.440											
60	Âu Ngọc Y	Làng Thượng	1.800				1.800							
61	Hầu Văn Nhâm	Làng Thượng	2.700											
62	Âu Văn Học	Làng Thượng	1.440				1.800							
63	Phương Thị Dung	Làng Thượng	2.700				1.080							
64	Phương Văn Hùng	Làng Thượng	2.520				1.080							
65	Nguyễn Thị Thanh	Làng Thượng	2.520											
66	Hoàng Văn Cường	Làng Thượng	3.600											
67	Hoàng Ngọc Duyên	Làng Thượng	3.600				20.000							
68	Lâm Văn Phát	Làng Thượng	1.440			720								
69	Hầu Văn Tuấn	Làng Thượng					720							
70	Trần Văn Din	Làng Thượng					1.870							

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
	Tổng cộng		71.871	1.815	29.139	696	113.981	-	2.700	2.633	2,52	-	0,60	0,38
1	Nguyễn Thị Soán	xóm Phố				696	924							
2	Hà Thị Hoa	xóm Phố			484									
3	Hoàng Văn Lạn	xóm Phố			738									
4	Lương Văn Thắm	xóm Phố		1.815			3.560							
5	Đàm Thị Bích	xóm Phố			1.810		2.270							
6	Lôi Quốc Hưng	xóm Phố			4.801		1.696							
7	Nguyễn Văn Huê	xóm Phố					980							

25	Lương Văn Bảy	xóm Phố			720		3.823							
26	Chu Kim Liên	xóm Phố	2.693											
27	Hà Thị Sâm	xóm Phố					920							
28	Triệu Thị Hồng	xóm Phố					1.210							
29	Hà Thị Hằng	xóm Phố	784											
30	Trương Thị Hải	xóm Phố	2.835		231		1.785							
31	Đinh Thị Hiền	xóm Phố			516		5.004							
32	Hoàng Văn Lan	xóm Phố			738									
33	Hoàng Thị Huân	xóm Phố	1.993											
34	Chu Văn Việt	xóm Phố					3.099							
35	Chu Thị Thuận	xóm Phố					3.802							
36	Hà Thị Lịch	xóm Phố					2.511							
37	Hoàng Hữu Huân	xóm Phố	4.079		1.192		414							
38	Lương Văn Kiên	xóm Phố	2.267		631									
39	Chu Văn Dương	xóm Phố	2.420				2.889							
40	Hà Văn Dũng	xóm Phố	4.308											
41	Lương Thị Lan	xóm Phố			1.080		1.323							

42	Phạm Thị Lan	xóm Phố	2.881											
43	Lương Ngọc Tăng	xóm Phố					4.322							
44	Hoàng Văn Nông	xóm Phố	1.323		4.706		5.305						0,47	
45	Lương Văn Mào	xóm Phố					1.179							
46	Nông Văn Hồi	xóm Phố	1.156											
47	Hà Văn Đông	xóm Phố	3.742											
48	Hà Thị Thiện	xóm Phố	4.784				826							
49	Hà Văn Sáu	xóm Phố	628											
50	Nguyễn Thị Bày	xóm Phố					1.192				1,62		0,13	
51	Cổ Văn Vinh	xóm Phố					1.434		900					
52	Trương Văn Hải	xóm Phố	1.295											
53	Cổ Thị Biên	xóm Phố	3.377		1.440									
54	Nguyễn Văn Thiện	xóm Phố	2.648				1.779				0,90			
55	Nguyễn Văn Thuận	xóm Phố					720							
56	Trần Thị Phương Kim	xóm Phố					427		1.800					0,38
57	Hà Trọng Tuấn	xóm Phố					1.240							
58	Phạm Thị Sâm	xóm Phố					496							

76	Vũ Văn Động	xóm Phố	2.255											
77	Nông Văn Nam	xóm Phố					1.426							
78	Lâm Văn An	xóm Phố					2.072							
79	Nguyễn Văn Huân	xóm Phố	1.080											
80	Tống Thị Hương	xóm Phố	723											
81	Nguyễn Văn Thanh	xóm Phố	2.270		1.810									
82	Vũ Văn Đức	xóm Phố	-							2.633				

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
	Tổng cộng		-	-	-	3.018	52.682							
1	Hoàng Văn Sinh	Na Quýt					2.487							
2	Trương Đình Thảo	Na Quýt					1.052							
3	Hoàng Văn Vượng	Na Quýt					1.740							
4	Hoàng Văn Đức	Na Quýt					800							
5	Ngọc Văn Xuân	Na Quýt					2.245							
6	Toàn Văn Thuận	Na Quýt					1.500							
7	La Văn Thái	Na Quýt					1.986							

8	Hoàng Quốc Kỳ	Na Quýt					1.410							
9	Hoàng Văn Hiền	Na Quýt					2.110							
10	Hoàng Văn Hiếu	Na Quýt				1.035								
11	Trương Thị Nga	Na Quýt					1.700							
12	Trần Thị Bình	Na Quýt					1.377							
13	Ngọc Văn Quý	Na Quýt					340							
14	Hoàng Văn Cầm	Na Quýt					1.312							
15	Hoàng Văn Khoa	Na Quýt					1.198							
16	Trương Thị Nhiệm	Na Quýt				866	1.200							
17	Trương Văn Thành	Na Quýt					2.160							
18	Trương Minh Vỹ	Na Quýt					2.160							
19	Trương Văn Học	Na Quýt					830							
20	Trương Đức Việt	Na Quýt					853							
21	Ngọc Văn Sáng	Na Quýt					2.280							
22	Trương Văn Xuyên	Na Quýt				865								
23	La Thanh Hào	Na Quýt					1.315							

24	La Công Đoàn	Na Quýt					1.110							
25	Hoàng Văn Quảng	Na Quýt				252	2.898							
26	La Văn Lai	Na Quýt					1.427							
27	Trương Tất Sử	Na Quýt					1.000							
28	Trương Văn Phú	Na Quýt					1.568							
29	Hoàng Văn Kính	Na Quýt					720							
30	Tơ Thị Sản	Na Quýt					1.918							
31	Hoàng Văn Lương	Na Quýt					1.874							
32	Hoàng Văn Dũng	Na Quýt					1.517							
33	Ngọc Văn Vĩ	Na Quýt					994							
34	Hoàng Văn Quân	Na Quýt					1.888							
35	Trương Văn Phú	Na Quýt					1.560							
36	Hoàng Văn Ngọ	Na Quýt					1.310							
37	Trương Văn Học	Na Quýt					843							

25	Nguyễn Văn Trường	Phú Thịnh 2	1.805											
26	Lưu Tiến Thọ	Phú Thịnh 2	2.430				3.444							
27	Nguyễn Thị Thái	Phú Thịnh 2	2.747											
28	Nguyễn Ngọc Giảng	Phú Thịnh 2	2.057				796							
29	Nguyễn Văn Quyền	Phú Thịnh 2	2.950											
30	Nguyễn Nho Phú	Phú Thịnh 2	1.069											
31	Nguyễn Văn Tám	Phú Thịnh 2	1.772				849							
32	Nguyễn Văn Nhung	Phú Thịnh 2	2.890		430		593							
33	Hoàng Thị Cải	Phú Thịnh 2	2.168				792							
34	Lưu Quang Vinh	Phú Thịnh 2	1.288											
35	Nguyễn Văn Hiến	Phú Thịnh 2	1.665		392		2.056							
36	Nguyễn Văn Long	Phú Thịnh 2	2.130		311		1.117							
37	Nguyễn Văn Tuyết	Phú Thịnh 2	1.598		268		1.768							
38	Nguyễn Văn Khánh	Phú Thịnh 2	1.501				1.238							
39	Nguyễn Văn Xuân	Phú Thịnh 2	1.474		1.080		1.322							
40	Lưu Văn Tuyên	Phú Thịnh 2	1.313				868							
41	Lưu Tiến Đàng	Phú Thịnh 2	1.596		284		2.368							

42	Lê Thị Thái	Phú Thịnh 2	1.067											
43	Nguyễn Văn Tiến	Phú Thịnh 2	1.078											
44	Nguyễn Xuân Bình	Phú Thịnh 2	1.647											
45	Nguyễn Thiện Thuật	Phú Thịnh 2	1.834		534		1.245							
46	Lưu Văn Huân	Phú Thịnh 2	1.631				1.079							
47	Nguyễn Văn Tuyền	Phú Thịnh 2	1.086											
48	Nguyễn Văn Miên	Phú Thịnh 2	1.963											
49	Nguyễn Khắc Sự	Phú Thịnh 2	1.511				2.432							
50	Phạm Văn Sáu	Phú Thịnh 2	1.163											
51	Phạm Văn Minh	Phú Thịnh 2	1.682											
52	Nguyễn Đức Quân	Phú Thịnh 2	1.784				701							
53	Nguyễn Văn Thành	Phú Thịnh 2	2.871				2.525							
54	Nguyễn Văn Huân	Phú Thịnh 2	1.569											
55	Nguyễn Đức Toàn	Phú Thịnh 2	2.213				981							
56	Lưu Tiến Hoàng	Phú Thịnh 2										0,34		
	Lưu Nhất Vũ	Phú Thịnh 2	2.031				1.741							

9	Nguyễn Văn Thơ	Hùng Cường	458											
10	Đoàn Văn Nghị	Hùng Cường	557						476					
11	Đoàn Văn Thường	Hùng Cường	3.460						364					
12	Nông Văn Thắng	Hùng Cường					2.160							
13	Trần Thị Đạt	Hùng Cường			1.096		2.596							
14	Hoàng Thị Hồng	Hùng Cường	2.012											
15	Bùi Thị Thom	Hùng Cường	1.404											
16	Hứa Thị Nhân	Hùng Cường					5.020							
17	Lý Duy Hiếu	Hùng Cường	4.041		1.843		1.291							
18	Lý Văn Đức	Hùng Cường	1.644		459									
19	Trần Ngọc Thịnh	Hùng Cường	1.467											
20	Hoàng Kim Phú	Hùng Cường					734		1.980					
21	Lý Thái Bình	Hùng Cường	837		514		911							
22	Lý Văn Mạnh	Hùng Cường	1.680		1.480									
23	Hà Thị Bình	Hùng Cường					1.644							
24	Nguyễn Khánh Vinh	Hùng Cường					1.636							
25	Lý Thị Tiên	Hùng Cường	1.389				594							
26	Lý Văn Nguyên	Hùng Cường					3.213							

27	Lộc Thị Thảo	Hùng Cường	1.209		1.784									
28	La Thị Đào	Hùng Cường					2.529		360					
29	Hà Văn Bảy	Hùng Cường	2.755											
30	Lý Văn Tùng	Hùng Cường	768		355		675							
31	Lã Anh Tuấn	Hùng Cường					1.502							
32	Bùi Thị Nguyệt	Hùng Cường								2.865				
33	Hà Văn Lục	Hùng Cường	2.480											
34	Lã Hoàng Kha	Hùng Cường			926		926							
35	Lý Văn Chiến	Hùng Cường	728											
36	Hà Văn Khôi	Hùng Cường	2.179											
37	Nguyễn Văn Huân	Hùng Cường	1.980											
38	Đào Thị Nụ	Hùng Cường	2.405											
39	Nguyễn Văn Hải	Hùng Cường					1.208							
40	Nguyễn Văn Tuấn	Hùng Cường	1.471				845							
41	Hà Văn Lâm	Hùng Cường	1.501		401									
42	Trương Văn Hồi	Hùng Cường	1.450				1.191							
43	Nguyễn Khánh Toàn	Hùng Cường			1.080		895							

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
Tổng cộng		Bán Luông	-	-	-	781	144.293	-	-	-	-	-	0,66	-
1	Hoàng Văn Chí	Bán Luông					1.498							
2	Hoàng Văn Sửu	Bán Luông					3.179							
3	Hoàng Văn Đạt	Bán Luông					1.495							
4	Lý Văn Đại	Bán Luông					3.062							
5	Lý Thị Mão	Bán Luông					1.650							
6	Tô Văn Nay	Bán Luông					250							

25	Hoàng Văn Lý	Bán Lương					1.753							
26	Trần Đình Lê	Bán Lương					4.157							
27	Vũ Ngọc Hoàn	Bán Lương					785							
28	Cao Văn Quân	Bán Lương					970							
29	Vũ Văn Nghiệp	Bán Lương					747							
30	Vũ Thị Hoa	Bán Lương					567							
31	Hoàng Văn Chính	Bán Lương					1.446							
32	Vũ Xuân Hồng	Bán Lương					844							
33	Vũ Xuân Thư	Bán Lương					2.495							
34	Ngọc Thị Sót	Bán Lương					2.063							
35	Hoàng Minh Quyền	Bán Lương					840							
36	Châm Thị Quế	Bán Lương					1.616							
37	Hoàng Văn Chuyên	Bán Lương					890							
38	Hoàng minh Huấn	Bán Lương					1.340							
39	Hoàng Thị Thu Chiên	Bán Lương					1.395							
40	Triệu Xuân Khoa	Bán Lương					2.640							
41	Nguyễn Hùng Đức	Bán Lương					1.572							
42	Nguyễn Hùng Tiệp	Bán Lương					3.041							

43	Lường Thị Hằng	Bán Luông					1.458							
44	Triệu Xuân Thương	Bán Luông					799							
45	Lê Thị Tám	Bán Luông					948							
46	Triệu Văn Thiệu	Bán Luông					1.691							
47	Hoàng Minh Tuấn	Bán Luông					1.600							
48	Hoàng Minh Khôi	Bán Luông					1.336							
49	Hoàng Minh Khải	Bán Luông					324							
50	Hạc Thị Liên Hồng	Bán Luông					1.920							
51	Hoàng Văn Quỳnh	Bán Luông					2.424							
52	Hoàng Thị Hiệu	Bán Luông					2.068							
53	Triệu Xuân Mai	Bán Luông					4.284							
54	Triệu Thị Yến	Bán Luông					282							
55	Hoàng Xuân Quảng	Bán Luông					3.810							
56	Hoàng Văn Liêm	Bán Luông					1.916							
57	Hoàng Văn Sinh	Bán Luông					4.530							
58	Nguyễn Thị Thức	Bán Luông					2.022							
59	Hoàng Văn Đồi	Bán Luông					2.420							
60	Hoàng Văn Luân	Bán Luông					796							

61	Nguyễn Văn Lân	Bán Lương				400	676							
62	Triệu Xuân Mừng	Bán Lương					4.270							
63	Hoàng Văn Nghĩa	Bán Lương				381	4.264							
64	Triệu Văn Đại	Bán Lương					2.385							
65	Triệu Duy Đồng	Bán Lương					6.353							
66	Trần Đình Trọng	Bán Lương					1.887							
67	Nguyễn Văn Hương	Bán Lương					2.576							
68	Hoàng Xuân Bằng	Bán Lương					1.480							
69	Hoàng Trung Tấn	Bán Lương					2.094							
70	Hoàng Văn Đoan	Bán Lương					1.778							
71	Hoàng Đức Huy	Bán Lương					904							
72	Hoàng Văn Ninh	Bán Lương					1.422							
73	Đương Thị Mến	Bán Lương					877							
74	Hoàng Thị Hòa	Bán Lương					810							
75	Nguyễn Văn Thực	Bán Lương					1.885							
76	Hoàng Xuân Chiến	Bán Lương					1.499							
77	Mai Hồng Duy	Bán Lương					1.949							

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
	Tổng cộng	xóm Đèo	-	-	-	1.903	54.708							
1	Trần Văn Kiểm	xóm Đèo					2.411							
2	Nguyễn Văn Tĩnh	xóm Đèo					611							
3	Lương Văn Khảm	xóm Đèo				711	781							
4	Đào Huy Trung	xóm Đèo					1.574							
5	Trần Xuân Hắc	xóm Đèo					1.360							
6	Trần Văn Lập	xóm Đèo					611							

7	Hoàng Văn Lịch	xóm Đèo					1.221							
8	Lương Văn Quyến	xóm Đèo					4.838							
9	Trương Văn Thanh	xóm Đèo					1.458							
10	Nguyễn Văn Thiệu	xóm Đèo					308							
11	Triệu Thị Hải	xóm Đèo					4.141							
12	Trương Văn Sỹ	xóm Đèo					1.490							
13	Phạm Văn Khánh	xóm Đèo					4.536							
14	Trương Văn Hường	xóm Đèo					1.634							
15	Lương Văn Nguyễn	xóm Đèo					1.506							
16	Trương Thị Viện	xóm Đèo					2.770							
17	Trương Thành Chung	xóm Đèo					391							
18	Đào Thị Miều	xóm Đèo					2.578							
19	Hà Văn Hiên	xóm Đèo					3.611							
20	Hoàng Thị Bình	xóm Đèo					1.628							
21	Trương Thị Hoan	xóm Đèo				703	1.196							
22	Trương Minh Sơn	xóm Đèo					1.179							

23	Vũ Đức Hương	xóm Đèo				489	1.380							
24	Vũ Đình My	xóm Đèo					779							
25	Vũ Văn Lũy	xóm Đèo					1.653							
26	Trương Văn Thành	xóm Đèo					1.414							
27	Nguyễn Văn Hiến	xóm Đèo					756							
28	Vũ Văn Quân	xóm Đèo					424							
29	Phạm Văn Minh	xóm Đèo					4.494							
30	Nguyễn Duy Vượng	xóm Đèo					834							
31	Nguyễn Trường Giang	xóm Đèo					1.141							

7	Hoàng Văn Lịch	xóm Đèo					1.221							
8	Lương Văn Quyến	xóm Đèo					4.838							
9	Trương Văn Thanh	xóm Đèo					1.458							
10	Nguyễn Văn Thiệu	xóm Đèo					308							
11	Triệu Thị Hải	xóm Đèo					4.141							
12	Trương Văn Sỹ	xóm Đèo					1.490							
13	Phạm Văn Khánh	xóm Đèo					4.536							
14	Trương Văn Hương	xóm Đèo					1.634							
15	Lương Văn Nguyễn	xóm Đèo					1.506							
16	Trương Thị Viện	xóm Đèo					2.770							
17	Trương Thành Chung	xóm Đèo					391							
18	Đào Thị Miều	xóm Đèo					2.578							
19	Hà Văn Hiên	xóm Đèo					3.611							
20	Hoàng Thị Bình	xóm Đèo					1.628							
21	Trương Thị Hoan	xóm Đèo				703	1.196							
22	Trương Minh Sơn	xóm Đèo					1.179							

23	Vũ Đức Hương	xóm Đèo				489	1.380							
24	Vũ Đình My	xóm Đèo					779							
25	Vũ Văn Lũy	xóm Đèo					1.653							
26	Trương Văn Thành	xóm Đèo					1.414							
27	Nguyễn Văn Hiến	xóm Đèo					756							
28	Vũ Văn Quân	xóm Đèo					424							
29	Phạm Văn Minh	xóm Đèo					4.494							
30	Nguyễn Duy Vượng	xóm Đèo					834							
31	Nguyễn Trường Giang	xóm Đèo					1.141							

8	Nông Thị Nghiệp	Đồng Kim	1.500											
9	Hoàng Văn Đại	Đồng Kim					1.203							
10	Trần Thị Dung	Đồng Kim	1.728											
11	Hoàng Văn Thương	Đồng Kim					1.047							
12	Hoàng Văn Thủ	Đồng Kim	1.984											
13	Trần Thị Khuân	Đồng Kim					1.222							
14	Trần Thị Chanh	Đồng Kim					1.007							

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG DO MƯA ĐÁ, GIÔNG LỐC NGÀY
02/5-03/5/2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚ THỊNH**

(Kèm theo thông báo số 229/TB-UBND, ngày 20/5/2026 của UBND xã Phú Thịnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
			Trồng trọt				Trồng trọt				Lâm nghiệp			
			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa (sau gieo trồng trên 45 ngày)	Cây hàng năm khác			Diện tích cây rừng trên đất lâm nghiệp		Diện tích cây lâm nghiệp tập trung trên diện tích ngoài lâm nghiệp	
				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Cây mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Cây mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác
(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	Nguyễn Văn Tuấn	Đồng Ninh	2.211											
2	Nguyễn Văn Từ (Thủy)	Đồng Ninh	810											
3	Âu Văn Lý	Ao soi					540							
4	Đào Ngọc Hà	Ao soi					720							
5	Lê Thị Nhi	Trung Tâm					360							
6	Nông Trường Giang	Trung Tâm					1.080							
7	Đỗ Thị Thoa	Trung Tâm					720							

8	Cao Xuân Tinh	Na Mán					1.392							
9	Lục Văn Bộ	Na Mán					200							
10	Trần Văn Bắc	Gò Vũ				1.800								
11	Hoàng Thị Khoa	Gò Vũ					2.160							
12	Trần Thị Mai	Gò Vũ					1.800							